

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/04/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3	7:25	22	0		22	0	
2		AMD+MRM	7:25	22+0	0+0		19+1	0+0	
3		PPD+CLO	7:25	22+0	0+0		12+7	0+0	
4		RP1+VSP02	9:25	3+19	0+0		0+22	0+0	
5		AMD+P9+PPD	9:25	6+6+10	0+0+0		0+5+15	0+0+0	
6		CNV+P10+CTK3	9:25	7+3+12	0+0+0		7+1+14	0+0+0	
7		BK14+BK9+CTK3	11:25	14+5+3	0+0+0		7+6+8	0+0+0	
8		VSP02+P10	11:25	18+4	0+0		15+4	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: CTK3	CREW: Hạnh - Linh - THỤ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN SƠN	CTK3	51	1	6	16	70	YTE	Vietnamese
2	HUYNH THANH TAM	CTK3	38-39	2	10		77	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI THE DIEN	CTK3	55	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
4	DOAN QUANG CHUNG	CTK3					72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HOANG HA	CTK3	37	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG KIM	CTK3	36	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	CTK3	41	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI KHAC PHONG	CTK3	33	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
9	HA MINH GIANG	CTK3	47	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
10	DOAN QUANG TUAN	CTK3	43	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG HAI	CTK3					79	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN HUU BAO	CTK3	42	1	6		91	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN MANH HUNG	CTK3	50	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG TUAN	CTK3	40	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI SY LONG	CTK3	58	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN DUC HANH	CTK3	34-35	2	10		82	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM QUANG THAI	CTK3	45-46	2	19		84	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TUAN	CTK3	57	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM THANH QUANG	CTK3	49	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN MINH TUAN	CTK3	44	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM QUOC CUONG	CTK3	48	1	2		79	KH-THAC	Vietnamese
22	LUYEN VAN THIEU	CTK3	56	1	8		79	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	22	23	118	1.599	16	22		DIEU PHAI NGOI GHE PHU: PHAM HUU TUNG
TOTAL		22	23	118	1.599	16	22		
WEIGHT KG				118	1.599	16			

GRAND TOAL: 1.733 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: AMD - MRM	CREW: HỒI - MTHAO - HIẾU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN LE HONG VU	AMD	35	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGO SY KHOI	AMD	15-16	2	17		73	KH-THAC	Vietnamese
3	LE TRI TRUNG	AMD	19	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN ANH KHOA	AMD	13	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	THAI NGUYEN HAI VI	AMD	21	1	11		85	KH-THAC	Vietnamese
6	THAI THANH THAO	AMD	20	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN KHAC TOAN	AMD	22-23	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HOANG LONG	AMD	24-25	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
9	CHU DUC CHI	AMD	26-27	2	17	20	65	KH-THAC	Vietnamese
10	LE THANH TAN	AMD	14	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI TRAN LIEM	AMD	17-18	2	8		64	KH-THAC	Vietnamese
12	TRUONG LE ANH DUNG	AMD	33-34	2	17		85	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VIET THANG	AMD	20	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
14	LE THANH DANH	AMD	28-29	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
15	PHUNG QUANG DAI	AMD	38	1	17		70	KH-THAC	Vietnamese
16	HA TUAN DUNG	AMD	39-40	2	17		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN MINH THAI	AMD	36-37	2	16		75	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG VAN BA	AMD	47-48	2	17		75	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI DINH THO	AMD	49	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VU HOI	AMD	41-42	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM TIEN DANG	AMD	45-46	2	18		52	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN TRUNG QUYEN	AMD	43-44	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	22	35	279	1.545	20	19		
2	MRM	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	35	279	1.545	20	20		
WEIGHT KG				279	1.545	20			

GRAND TOAL: 1.844 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: PPD - CLO	CREW: HUNG - Duong - Huy	ETA: 09:20
VANG-1			

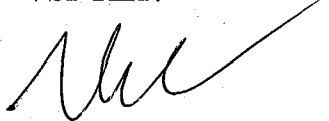
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE QUANG NINH	PPD				100	65	KHI	Vietnamese
2	BUI VAN VIEN	PPD	11	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐANG VAN NINH	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI NANG PHONG	PPD	12	1	3	10	75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN SON	PPD	80	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VIET TIEN	PPD	85-86	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
7	BIEN MINH SON	PPD	78	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
8	LE VAN VIET	PPD	92	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO DUC VONG	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐO DUC QUAN	PPD	83	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN MANH CUONG	PPD	10	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI VAN DAO	PPD	81	1	7		92	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN CHUNG	PPD	96-97	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN CAO CUONG	PPD	82	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN SINH	PPD	79	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN THANH TRI	PPD	13	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN ĐANG QUANG	PPD	93-95	3	19		57	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM TRAN HUU PHUC	PPD	84	1	5		95	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN MANH CUONG	PPD	14	1	15	15	72	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐANG THANG LONG	PPD	98-99	2	20	17	73	XAYLAP	Vietnamese
21	HOANG TRON PHUC	PPD	87-89	3	22		71	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN DINH PHUONG	PPD	90-91	2	10		83	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

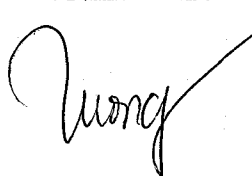
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	27	163	1.585	142	15		
2	CLO	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		22	27	163	1.585	142	22		
WEIGHT KG				163	1.585	142			

GRAND TOAL: 1.890 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 04	TO: RP1 - VSP02	CREW: Hạng - Linh - THU	ETA: 11:20
XANH-2			

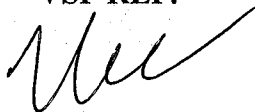
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG THẮNG	RP1				20	74	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN NGỌC QUYẾT	RP1	84	1	5		72	NIPI	Vietnamese
3	ĐẶNG THE ANH	RP1	85	1	5		64	NIPI	Vietnamese
4	BUI VĂN THOAI	VSP02	60	1	5		72	YTE	Vietnamese
5	LÊ CÔNG HOAN	VSP02					67	KH-THAC	Vietnamese
6	VÔ TÂN LINH	VSP02	57	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI HUY BÌNH	VSP02					80	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN XUÂN KINH	VSP02					62	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM NGỌC THẠCH	VSP02	64	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ THAI SƠN	VSP02	59	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN CHIẾN THẮNG	VSP02	65	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
12	CAO VĂN KHA KHA	VSP02	58	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC QUANG	VSP02	61	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH THẢO	VSP02	62	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
15	DUƠNG TRUNG VIỆT	VSP02	66	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT NGỌC	VSP02	56	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ XUÂN BÌNH	VSP02	53	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN QUYẾT	VSP02	51	1	2		55	KH-THAC	Vietnamese
19	TÀ VĂN CUONG	VSP02	63	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN MẠNH HÀ	VSP02	55	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI XUÂN TIỀN	VSP02	54	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN QUỐC HOAN	VSP02	52	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

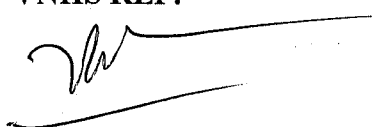
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	3	2	10	210	20	0		
2	VSP02	19	16	89	1.292	0	22		
TOTAL		22	18	99	1.502	20	22		
WEIGHT KG				99	1.502	20			

GRAND TOAL: 1.621 KGS

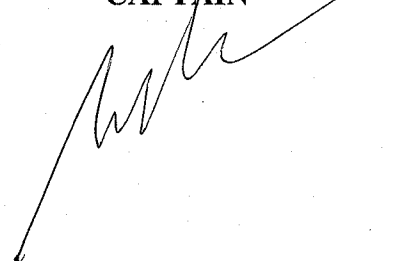
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 05	TO: AMD - P9 - PPD	CREW: Hôi - MTHAO - HIẾU	ETA: 11:25
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH ĐỨC QUÂN	AMD	52	1	11	15	69	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN KHOA	AMD	50-51	2	15		63	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐO THẺ THANH	AMD	55-56	2	15		69	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM TUÂN CHUNG	AMD	57	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN CƯƠNG	AMD	58-59	2	15		81	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN NGỌC BÌNH	AMD	54	1	4		69	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN MANH HA	P9	15	1	7		75	NIPI	Vietnamese
8	LUU VAN DIEP	P9	14	1	8		64	NIPI	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC MINH	P9	16	1	5	50	56	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN CHIEU	P9	18	1	3		68	PSV	Vietnamese
11	PHẠM CÔNG TUÂN	P9	19	1	3		58	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN HUU TUYẾT	P9	17	1	6		53	PSV	Vietnamese
13	VUÔNG MAI	PPD	23	1	10		54	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN MINH	PPD	37	1	15		82	T-TIN	Vietnamese
15	NGUYỄN SY HƯA	PPD	01-03	3	15		59	T-TIN	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC KHANH	PPD	25	1	10		61	PSV	Vietnamese
17	VŨ HỮU TRƯỞNG	PPD	26	1	7		69	PSV	Vietnamese
18	TRẦN MAU SƠN	PPD	04	1	5	12	73	PSV	Vietnamese
19	BUI LONG HUNG	PPD	900	1	7		67	PSV	Vietnamese
20	TRẦN VĂN ĐỨC	PPD	24	1	5		55	PSV	Vietnamese
21	LÊ XUÂN ĐAM	PPD					69	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN HAI TRUNG	PPD					62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	6	9	70	415	15	0		
2	P9	6	6	32	374	50	5		
3	PPD	10	10	74	651	12	12		
TOTAL		22	25	176	1.440	77	17		
WEIGHT KG				176	1.440	77			

GRAND TOAL: 1.693 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	TO: CNV - P10 - CTK3	CREW: HUNG - Duong - Huy	ETA: 11:30
VANG-2			

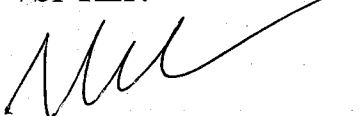
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO QUỐC TUNG	CNV	33	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐANG ĐỨC HẠNH	CNV	40	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM ĐỨC KIEM	CNV	39	1	5	45	77	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	CNV	80	1	7		48	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO TRỌNG HIỆP	CNV	38	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC THANH	CNV	46	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN THI	CNV	29-30	2	5		58	PSV	Vietnamese
8	TRAN VAN LOI	P10	49	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
9	LE VIET KHANG	P10	47	1	5	55	66	PSV	Vietnamese
10	TRAN VAN MINH	P10	48	1	5		86	PSV	Vietnamese
11	PHAN KHẮC THĂNG	CTK3	22	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐAN QUÊ	CTK3	26	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN HẢO	CTK3	24-25	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÀO VIỆT HÙNG	CTK3	21	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
15	VU XUAN TRUC	CTK3	23	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN TUẤN ANH	CTK3	45	1	8		65	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM MẠNH HAI	CTK3	43	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN HUY HIẾU	CTK3	42	1	10		78	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN VĂN ĐẠT	CTK3	19	1	7		60	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ TỰ KHA	CTK3	17-18	2	15	25	80	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN NGHIA	CTK3	46-47	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
22	KOSTIKIN	CTK3	44	1	20		130	NIPI	Russian

FLIGHT PLAN

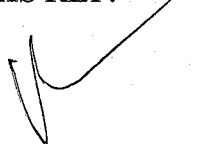
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	7	8	44	471	45	7		
2	P10	3	3	20	212	55	1		
3	CTK3	12	15	126	870	25	8		
TOTAL		22	26	190	1.553	100	16		
WEIGHT KG				190	1.553	125			

GRAND TOAL: 1.843 KGS + 25kgs

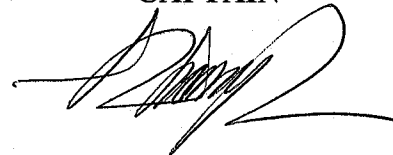
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:50
FLIGHT: 07	TO: BK14 - BK9 - CTK3	CREW: Hạnh - Linh - THỤ	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ XUÂN THẮNG	BK14	85-86	2	17		80	KHOAN	Vietnamese
2	QUÁCH THẾ ANH	BK14	84	1	9		67	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ VĂN TOÀN	BK14	69	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ THANH LIÊM	BK14	83	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO KIM CUƠNG	BK14	68	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ ĐÌNH HUY	BK14	70	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN TUYẾN	BK14					65	KH-THAC	Vietnamese
8	HÀNG ĐẠI HẠO	BK14	64	1	14		72	DVL	Vietnamese
9	TRẦN VIỆT HỒ	BK14	90	1	15		68	DVL	Vietnamese
10	PHAN VINH TRƯỞNG	BK14	89	1	10		64	DVL	Vietnamese
11	PHAN THANH TỊNH	BK14	64	1	15		72	DVL	Vietnamese
12	GORKOV	BK14	67	1	9		80	NIPI	Russian
13	HOÀNG VĂN DUƠNG	BK14	66	1	6		82	NIPI	Vietnamese
14	PHAN TIẾN CUƠNG	BK14	87-88	2	15		55	PSV	Vietnamese
15	TRẦN NGỌC CHÍNH	BK9	57	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN ĐỨC CUƠNG	BK9	56	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG QUANG HUY	BK9	78	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ VĂN BÌNH	BK9	54	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN NĂNG	BK9	55	1	6		65	PSV	Vietnamese
20	ĐÌNH XUÂN TOÀN	CTK3	29-30	2	12		60	T-TIN	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN THU	CTK3	31	1	17		65	T-TIN	Vietnamese
22	TRẦN ĐÌNH MINH	CTK3	27-28	2	7		82	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

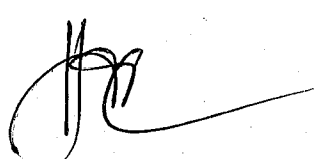
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	14	15	135	963	0	7		
2	BK9	5	5	30	352	0	6		
3	CTK3	3	5	36	207	0	8		
TOTAL		22	25	201	1.522	0	21		
WEIGHT KG				201	1.522	0			

GRAND TOTAL: 1.723 KGS

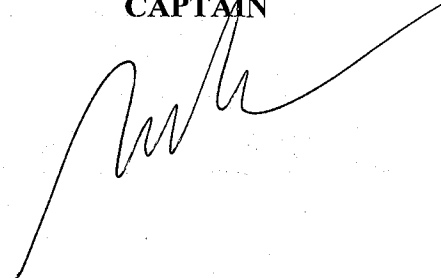
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:55
FLIGHT: 08	TO: VSP02 - P10	CREW: Hôi - MTuấn - HIẾU	ETA: 13:35
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN HỮU KHÁNH	VSP02	68	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
2	HA MẠNH THẮNG	VSP02	70	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐO TRUNG DŨNG	VSP02	77	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	VSP02	81	1	2		61	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN GIÁP	VSP02	69	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
6	LŨ SƠN	VSP02	67	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TÔ VĂN HUNG	VSP02	83	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN LÊ HỘI	VSP02	79	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ ĐÌNH KHOA	VSP02	82	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
10	ROGINSKY	VSP02	72	1	10		114	ANTOAN	Russian
11	KORNILOV	VSP02	73	1	12		80	ANTOAN	Russian
12	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	VSP02	74	1	5		100	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN HỒNG ĐỨC	VSP02	76	1	4		58	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC TUẤN	VSP02	80	1	4		76	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN VŨ BA LINH	VSP02	78	1	4		65	PSV	Vietnamese
16	LUƠNG MẠNH GIANG	VSP02	71	1	5		65	PSV	Vietnamese
17	LÊ VĂN CHÍ	VSP02	75	1	2		59	PSV	Vietnamese
18	TRAN VAN TRUONG	P10	88	1	5		69	PSV	Vietnamese
19	TRAN VIET LY	P10	87	1	5		78	PSV	Vietnamese
20	DAO VAN DUNG	P10	86	1	6		70	PSV	Vietnamese
21	PHẠM QUỐC THAI	P10	89-90	2	10		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	17	17	91	1.211	0	15		
2	P10	4	5	26	282	0	4		
TOTAL		21	22	117	1.493	0	19		
WEIGHT KG				117	1.493	0			

GRAND TOAL: 1.610 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/04/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T.UNG	7:25	16	0		18	0	
2		TD2+BK6+RP2	7:25	2+2+18	0+0+0		1+0+21	0+0+0	
3		P10+CTK3+RP1	7:25	1+7+14	0+0+0		1+0+21	0+0+0	
4		RP3+RC4	7:25	17+5	0+0		15+7	0+0	
5		RP1+RCDM+RC5	7:25	9+6+7	0+0+0		3+5+14	0+0+0	
6		RP3	9:25	22	0		22	0	
7		RC6+RP2+TD5	9:25	7+13+0	0+0+0		5+15+2	0+0+0	
8		CTC1+RP1+P3	9:25	10+10+2	0+0+0		6+13+0	0+0+0	chuyen 1 ctcl- p3
9		MRM+CLO+TD3	9:25	14+7+1	0+0+0		9+3+10	0+0+0	
10		RC3+BK16+TD1	11:25	17+4+0	0+0+0		6+0+13	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: T.UNG	CREW: HLONG - TRƯỜNG	ETA: 10:30
XANH-1A			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ZELENSKII	T.UNG	89	1	5		77	KH-THAC	Russian
2	PHẠM GIÁP TRI	T.UNG	81-82	2	5		84	KH-THAC	Vietnamese
3	DUƠNG VĂN THÔNG	T.UNG	79	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN MINH TÂM	T.UNG	86	1	2		76	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ ANH TUÂN	T.UNG	92	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
6	HỒ ĐÌNH HUY	T.UNG	96	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN VIỆT TUNG	T.UNG	84	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ HỒNG QUANG	T.UNG	87	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN CUÔNG	T.UNG					74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN ĐÀN	T.UNG					67	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG	85	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HUY DU	T.UNG	83	1	6		92	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ THANH TUNG	T.UNG	95	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH TUÂN	T.UNG	93-94	2	13		46	KH-THAC	Vietnamese
15	TẶNG MẠNH HÀ	T.UNG	88	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	T.UNG	90-91	2	10		84	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	16	17	80	1.143	0	18		
TOTAL		16	17	80	1.143	0	18		
WEIGHT KG				80	1.143	0			

GRAND TOAL: 1.223 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:32
FLIGHT: 02	TO: TD2 - BK6 - RP2	CREW: VThắng - XHOÀN - Toan	ETA: 09:10
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VĂN QUYẾT	TD2	61	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ HỮU HÙNG	TD2	62	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
3	VŨ ANH TUẤN	BK6	28	1	8		65	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH CÔNG	BK6	14-16	3	17	50	72	CODIEN	Vietnamese
5	PHẠM VĂN BAN	RP2	92	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	RP2	99,200	2	13		65	YTE	Vietnamese
7	PHAN VĂN LY	RP2	89	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THÀNH DUY	RP2	93	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN KHẮC SÁNG	RP2	95	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC VINH	RP2	91	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP2	69	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN NGUYỄN BAO MINH	RP2	90	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VŨ QUYỀN	RP2	97	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG ĐÌNH YẾN	RP2	90	1	5		47	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẠO VĂN TUẤN	RP2	98	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐINH VĂN QUÂN	RP2	92	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN THANH	RP2	87	1	5	20	60	KH-THAC	Vietnamese
18	TẠNG VĂN ĐỨC	RP2	94	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG XUÂN KHOA	RP2					70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	RP2	96	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN THANH TUẤN	RP2	89	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM QUANG LỢI	RP2	88	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	2	2	10	165	0	1		
2	BK6	2	4	25	137	50	0		
3	RP2	18	18	103	1.174	20	21		
TOTAL		22	24	138	1.476	70	22		
WEIGHT KG				138	1.476	70			

GRAND TOAL: 1.684 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: P10 - CTK3 - RP1	CREW: Vận - Mạnh - N.Nam	ETA: 09:15
VANG-1			

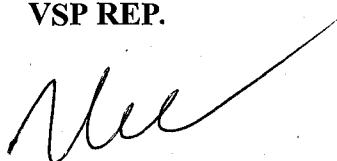
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TARASENKO A.A.	P10	75	1	12		72	KH-THAC	Russian
2	CAO ĐẮC DÂN	CTK3	34-35	2	18	40	71	CODIEN	Vietnamese
3	LE HUY BAC	CTK3	48	1	10	18	68	CODIEN	Vietnamese
4	TRẦN XUÂN HOÀN	CTK3	38	1	11		55	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH KHA	CTK3	36-37	2	15		68	CODIEN	Vietnamese
6	VŨ TRỌNG NGHĨA	CTK3	32-33	2	12		69	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN HỒNG QUAN	CTK3	39-40	2	16		70	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN THUẬT	CTK3	49	1	5		79	PSV	Vietnamese
9	MAMEDOV	RP1	93	1	6	40	82	KH-THAC	Russian
10	PHAN VĂN NGO	RP1	98-99,400	3	13		55	YTE	Vietnamese
11	KOROQLUEV RAMIL	RP1	96	1	7		71	KH-THAC	Russian
12	NIKITIN DMITRIY	RP1	94	1	3		88	KH-THAC	Russian
13	TRẦN QUANG TUNG	RP1					75	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC PHONG	RP1	88	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ ĐÌNH HOÀN	RP1	89	1	8		81	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỒ THIÊN TÂM	RP1	91	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ MẠNH HÙNG	RP1	95	1	3		81	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	92	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN MINH HIẾU	RP1					60	KH-THAC	Vietnamese
20	TAO QUANG NGÂN	RP1	86-87	2	11		62	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ ĐỨC THIÊN	RP1	90	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN PHI KHAI HOÀN	RP1	97	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

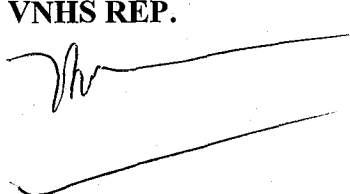
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	1	1	12	72	0	1		
2	CTK3	7	11	87	480	58	0		
3	RP1	14	15	85	1.023	40	21		
TOTAL		22	27	184	1.575	98	22		
WEIGHT KG				184	1.575	98			

GRAND TOAL: 1.857 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	TO: RP3 - RC4	CREW: Nam - VAnh - MQUÂN	ETA: 09:20
trang-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ANH SON	RP3	38	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN VAN SON	RP3	39	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN THANH TRUNG	RP3	33	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM QUANG TRUNG	RP3					70	KH-THAC	Vietnamese
5	VO TAN CHAU	RP3	43	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
6	QUACH VAN THAO	RP3	29-31	3	11		71	YTE	Vietnamese
7	TRAN DUC THUAN	RP3	37	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM VAN ANH	RP3	34	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
9	LUONG QUANG THUONG	RP3	32	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
10	DO QUANG HUNG	RP3	28	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRUONG VAN THUONG	RP3					63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TRONG HAI	RP3	36	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN PHUOC LOC	RP3	40	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG VAN HOA	RP3	35	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN TIEN	RP3	41-42	2	18		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN CONG	RP3	44	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG VAN HIEN	RP3	100	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VIET THANH	RC4	69	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG VAN TUNG	RC4	70	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
20	DINH VAN CONG	RC4	67	1	5	70	81	KH-THAC	Vietnamese
21	CHU TIEN BINH	RC4	75	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	MAI VAN TUONG	RC4	68	1	4		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	17	18	98	1.204	0	15		
2	RC4	5	5	27	361	70	7		
TOTAL		22	23	125	1.565	70	22		
WEIGHT KG				125	1.565	70			

GRAND TOAL: 1.760 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:45
FLIGHT: 05	TO: RP1 - RCDM - RC5	CREW: LHai - VTHU - ĐANG	ETA: 09:25
NAU-1			

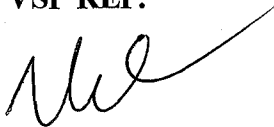
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NAM SINH	RP1	01	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN CÔNG TOÀN	RP1	02	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	RP1	07-08	2	10		85	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN KHẮC HỒNG	RP1	03	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG ĐÌNH BA	RP1	04	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN BA QUÝ	RP1	10	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG LỘC	RP1	05	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH THAM	RP1	06	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG THẾ ANH	RP1	09	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY HÙNG	RCDM	12-13	2	15	50	70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGÔ ĐẮC TOÀN	RCDM	08-09	2	12		58	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG TỊ	RCDM					63	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG MINH DUNG	RCDM	07	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THẾ VŨ	RCDM	10	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
15	HỒ TRỌNG BẢNG	RCDM	11	1	8		76	PSV	Vietnamese
16	BUI QUỐC VIỆT	RC5	46	1	7	50	73	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN NAM THẮNG	RC5	49	1	5		103	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN CỤC	RC5	45	1	13		80	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ QUỐC HUY	RC5	48	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN TRUNG	RC5	50	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM VĂN HUÂN	RC5	47	1	3		67	PSV	Vietnamese
22	PHẦN THANH NAM	RC5	44	1	8		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	9	10	56	661	0	3		
2	RCDM	6	7	48	413	50	5		
3	RC5	7	7	52	560	50	14		
TOTAL		22	24	156	1.634	100	22		
WEIGHT KG				156	1.634	100			

GRAND TOAL: 1.890 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 06	TO: RP3	CREW: VThắng - KHOÀN - Toan	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM XUÂN HOÀNG	RP3	58-59	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
2	LUONG VĂN LUONG	RP3	54	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN THANH DUONG	RP3					67	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ QUANG HUNG	RP3	59	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DOAN THANH	RP3	64	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DINH HO	RP3	56	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TU HAI	RP3					65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TRONG VU	RP3					78	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN KHIEM HIEU	RP3	60	1	5	30	63	KH-THAC	Vietnamese
10	LE ĐỨC HUY	RP3	52	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG XUAN HUNG	RP3					65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN HOANG	RP3	61	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
13	LAI ĐỨC BAY	RP3	53	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
14	DUBOV A.V.	RP3	51	1	5		70	KH-THAC	Russian
15	ĐÀO VĂN KHÔI	RP3	50	1	13		55	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN THANH HA	RP3	49	1	5		65	PSV	Vietnamese
17	HỒ NGỌC THANH	RP3	48	1	5		67	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VAN VY	RP3	47	1	5		65	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN VAN TRUNG	RP3	46	1	5		70	PSV	Vietnamese
20	TRAN THANH HAI	RP3	45	1	6		60	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN DUY CHINH	RP3	65	1	2		55	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN THANH CONG	RP3	55	1	5		71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	19	101	1.463	30	22		
TOTAL		22	19	101	1.463	30	22		
WEIGHT KG				101	1.463	30			

GRAND TOAL: 1.594 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 07	TO: RC6 - RP2 - TD5	CREW: Vận - Mạnh - N.Nam	ETA: 11:25
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ANH TUẤN	RC6	97	1	9	50	75	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM XUÂN TRƯỞNG	RC6	96	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN MINH THI	RC6	99	1	5		116	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC TÂN	RC6	100	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG VĂN TRƯỞNG	RC6	94	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC LINH	RC6	98	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	KIEU MINH QUYẾT	RC6	95	1	4		65	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT NHƯÔNG	RP2	94	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
9	VU DUY QUYÊN	RP2	97	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ CHI CƯỜNG	RP2	98	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HAI SANG	RP2	67	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN QUỐC KHANH	RP2					76	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP2	95	1	6		90	KH-THAC	Vietnamese
14	TẠ VĂN VIỆT	RP2	93	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	65	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG ANH TU	RP2	66	1	8		76	NIPI	Vietnamese
17	ĐO CÔNG MINH	RP2	96	1	4		70	GETRACO	Vietnamese
18	TRẦN VĂN VIỆT B	RP2	500	1	5		70	GETRACO	Vietnamese
19	HỒ VĂN THAO	RP2	99	1	5		71	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	7	7	52	545	50	5		
2	RP2	12	11	60	843	0	15		
3	TD5	0	0	0	0	50	2		
TOTAL		19	18	112	1.388	100	22		
WEIGHT KG				112	1.388	100			

GRAND TOAL: 1.600 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 08	TO: CTC1 - RP1 - P3	CREW: Nam - ĐNam - MQUÂN	ETA: 11:30
nau-2			

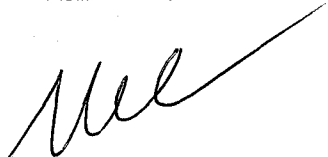
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC HAI	CTC1	11	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VĂN NINH	CTC1	04	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN CÔNG HOÀNG	CTC1	05	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN CÔNG TUYẾN	CTC1	16	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN HUYỀN	CTC1	19	1	5	82	65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGÔ TUẤN ANH	CTC1	18	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HỒNG QUÂN	CTC1	13-14	2	18		75	CODIEN	Vietnamese
8	LÊ HỮU TUÔNG	CTC1	17	1	5		60	CODIEN	Vietnamese
9	ĐINH VĂN GIANG	CTC1	15	1	5		70	GETRACO	Vietnamese
10	PHAN THANH CÔNG	RP1					60	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ ĐÌNH THẮNG	RP1	11	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ HÙNG CUÔNG	RP1					83	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN BÁC	RP1	15	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH BĂNG	RP1	12	1	5		70	PSV	Vietnamese
15	DƯƠNG TRUNG KIẾN	RP1	16	1	5	15	68	PSV	Vietnamese
16	TRẦN VƯƠNG CHÍNH TÔNG	RP1	18	1	6		61	PSV	Vietnamese
17	PHẠM THẾ THUẬN	RP1	13	1	5		72	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU NHÂN	RP1	17	1	7		70	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN QUANG PHƯỢNG	RP1	14	1	6		62	PSV	Vietnamese
20	QUÁCH VĂN TÔI	P3	02	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
21	PHAN VĂN THANH	P3	01	1	4		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

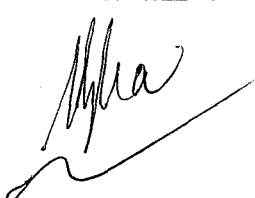
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	9	10	62	615	82	6		
2	RP1	10	8	47	671	15	13		
3	P3	2	2	9	150	0	0		
TOTAL		21	20	118	1.436	97	19		
WEIGHT KG				118	1.436	97			

GRAND TOAL: 1.651 KGS

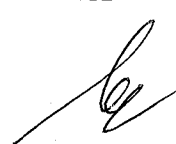
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 09	TO: MRM - CLO - TD3	CREW: LHai - VTHU - ĐANG	ETA: 11:35
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN THUY	MRM	18	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
2	PETRUNKO	MRM	23	1	8		100	KHOAN	Russian
3	TRAN QUANG UT	MRM	19-20	2	17		74	KHOAN	Vietnamese
4	VO TAN HOA	MRM	27-28	2	17		68	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN THONG	MRM	29-600	2	16		63	KHOAN	Vietnamese
6	ĐINH QUANG CHIEN	MRM	30	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
7	DO HOAI THANH	MRM	24	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
8	LA QUY DANH	MRM	21	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TIEP	MRM	31	1	13		77	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN DUONG	MRM	25-26	2	17		88	KHOAN	Vietnamese
11	ĐAU MINH A	MRM	22	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN THANH HAI	MRM	32-33	2	16		74	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN BINH	CLO	73-74	2	17		82	BAKER HU	Vietnamese
14	GIANG HONG SON	CLO	75-76	2	18		68	BAKER HU	Vietnamese
15	LÊ QUỐC QUYNH	CLO	71-72	2	17		74	BAKER HU	Vietnamese
16	LÊ TRUNG HIÊU	CLO	77-78	2	18		60	BAKER HU	Vietnamese
17	TRẦN ĐẠI HÙNG	CLO	68	1	12	15	71	DVL	Vietnamese
18	TRẦN VĂN DƯ	CLO	65-66	2	13		62	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN QUANG HOAN	CLO	70	1	10	15	77	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TRỌNG	TD3	37-38	2	15	10	77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	12	17	142	891	0	9		
2	CLO	7	12	105	494	30	3		
3	TD3	1	2	15	77	10	10		
TOTAL		20	31	262	1.462	40	22		
WEIGHT KG				262	1.462	40			

GRAND TOAL: 1.764 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/04/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:50
FLIGHT: 10	TO: RC3 - BK16 - TD1	CREW: VThắng - Dương - Toàn	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ NGUYỄN HỒNG THANH	RC3	60	1	8		84	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TÂN HỒNG	RC3	59	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG HOÀNG ANH	RC3	58	1	6		84	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ CÔNG AN	RC3	56	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THẾ MẠNH	RC3				10	82	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM BA HOÀNG	RC3	76-77	2	9		67	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ ĐỨC LONG	RC3	57	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN KHÁC CƯỜNG	RC3	73-74	2	15		73	CODIEN	Vietnamese
9	ĐẶNG TIẾN TOÀN	RC3	69-70	2	15		65	CODIEN	Vietnamese
10	TRẦN PHÚ	RC3	71-72	2	12		75	CODIEN	Vietnamese
11	TRƯƠNG TÂN LỢI	RC3	75	1	16		84	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN TRUNG KIẾN	RC3	80-81	2	10		68	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐỖ MẠNH HÙNG	RC3	61-62	2	10	35	60	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN MẠNH HÙNG	RC3	67-68	2	16		75	XAYLAP	Vietnamese
15	MAI DUY TÂN	RC3	64-66	3	17		64	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ VĂN QUYÊN	RC3	63	1	4		55	GETRACO	Vietnamese
17	VÕ THANH TIẾN	BK16	18-19	2	14	20	83	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN BÀ THUẬN	BK16	20	1	13	10	66	CODIEN	Vietnamese
19	PHẠM TIẾN CƯỜNG	BK16	16-17	2	16		72	CODIEN	Vietnamese
20	PHẠM VĂN DUNG	BK16	21	1	10		55	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

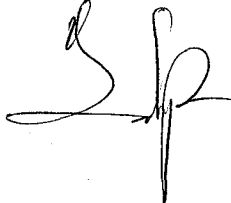
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	16	24	158	1.130	45	5		
2	BK16	4	6	53	276	30	0		
3	TD1	0	0	0	0	0	15		
TOTAL		20	30	211	1.406	75	20		
WEIGHT KG				211	1.406	75			

GRAND TOAL: 1.692 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

